

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 12/2009/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại;

Căn cứ Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung trong cho vay của các ngân hàng thương mại đối với các doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Các ngân hàng thương mại thực hiện việc cho vay đối với các doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quy chế bảo lãnh) bao gồm: Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (gọi chung là ngân hàng thương mại).

2. Doanh nghiệp được ngân hàng thương mại cho vay vốn là doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh, thuộc đối tượng được bảo lãnh vay vốn và thuộc phạm vi bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quy chế bảo lãnh.

3. Ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp vay vốn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Quyết định số 09/2008/QĐ-NHNN ngày 10/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan, với các hình thức cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc thẩm định các điều kiện vay vốn thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 2 Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 60).

Điều 2. Lãi suất cho vay

1. Các ngân hàng thương mại căn cứ vào cơ chế điều hành lãi suất hiện hành, tình hình nguồn vốn, khả năng tài chính, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường trong từng thời kỳ, điều kiện thực tế của doanh nghiệp và chính sách khách hàng của mình để xem xét, quyết định mức lãi suất cho vay phù hợp, bảo đảm tính ưu đãi về lãi suất cho vay thực tế đối với doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp hạ thấp chi phí sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

2. Các khoản cho vay của ngân hàng thương mại được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh nếu thuộc diện được hỗ trợ lãi suất thì thực hiện đúng theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Điều 3. Quy trình và trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong một số trường hợp cụ thể

1. Chậm nhất sau 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp và văn bản thông báo chấp thuận bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, ngân hàng thương mại xem xét và ký Hợp đồng tín dụng với doanh nghiệp nếu doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn. Trường hợp từ chối ký Hợp đồng tín dụng, ngân hàng thương mại phải có văn bản trả lời doanh nghiệp, đồng gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam, nêu rõ lý do từ chối ký Hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện giải ngân vốn vay cho doanh nghiệp sau khi nhận được Hợp đồng bảo lãnh vay vốn (Bản chính) ký kết giữa doanh nghiệp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Chứng thư bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có nội dung phù hợp với các nội dung quy định trong Hợp đồng tín dụng đã được ký với doanh nghiệp. Trường hợp các văn bản này có những nội dung không phù hợp, ngân hàng thương mại có quyền đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, đối chiếu và chỉnh sửa cho phù hợp trước khi thực hiện giải ngân vốn vay.

3. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vay vốn, sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay và hoàn trả nợ vốn vay của doanh nghiệp nhằm đảm bảo doanh nghiệp sử dụng vốn vay đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời trong sản xuất kinh doanh và có văn bản đề nghị ngân hàng thương mại điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ thì các ngân hàng thương mại căn cứ điều kiện thực tế, căn cứ quy định pháp luật hiện hành thực hiện việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho doanh nghiệp, nhưng phải đảm bảo an toàn hiệu quả vốn vay và phù hợp với thời hạn bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với khoản vay.

Điều 4. Phối hợp giữa ngân hàng thương mại và Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh